



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyen Duy Duong
Last Middle First

Current Address: 293/40 Cach Mang Thap 8, P.13, Tan Binh, HCM

Date of Birth: 07/17/49 Place of Birth: Phu Tho

Previous Occupation (before 1975) 2LT
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 04/30/75 To 9/11/80
Years: 5 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

TỔ NỘI VỤ
CỤC Q.L.T.G
Trại Thủ Đức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số : 613/GR.T.

GIẤY RA TRAI .

- Căn cứ Chỉ thị số 316/Ttg ngày 22.8.1977 của Thủ Tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các Cơ quan Chính quyền của chế độ cũ và Đảng phái phản động hiện đang bị áp dụng cai tạo.

- Căn cứ Thông tư liên bộ Quốc phòng - Nội vụ số ngày về việc thực hiện chỉ thị 316/Ttg ngày 22.8.1977 của Thủ Tướng chính phủ.

- Thi hành quyết định tha số 109 ngày 15 tháng 8 năm 1980 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ .

CẤP GIẤY RA TRAI

Họ và tên : NGUYỄN DUY DƯƠNG

Ngày, tháng, năm sinh : 17.07.1949

Quê quán : Phú Thọ

Trú quán : 293/40 Quốc lộ 1, Tân Sơn Nhì, Tân Bình, TP.HCM

Số lần cấp bậc chức vụ trong bộ máy chính quyền, quan sự và các tổ chức chính trị, phản động của chế độ cũ.

Thiếu Ủy Trưởng Cuộc Cảnh sát.

Khi về phải trực tiếp trình ngay giấy ra này với ủy ban nhân dân và Công an xã, phường : Phường 13.

Thuộc Quận, Huyện : Tân Bình - Tỉnh, Thành phố : Hồ Chí Minh.
và phải tuân theo các qui định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác.

- Thời hạn quản chế : 12 tháng (mười hai tháng).

- Thời hạn đi đường : 2 ngày (kể từ ngày ký giấy ra trai)
tiền và lương thực đi đường đã cấp từ trai về đến gia đình.

(Không được cư trú trong Thành phố)

//// Ngày 11 tháng 9 năm 1980
Phó Giám Thị

Đại Ủy PHẠM HỮU PHÚC

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lặn tay ngón trỏ phải
của : NGUYỄN DUY DƯƠNG
(Đã lặn tay)

Người được cấp
giấy ký

(Đã ký)

Xác nhận :

Đ/sự có đến trình giấy ra trai
tại Công An Phường 13 Quận Tân Bình.

Phường 13, ngày 13.9.1980

Tên, Ban CA

Trưởng ban

Nguyễn Văn Lập

(Đã ký tên và đóng dấu)



05/09/80

[Handwritten signature]

(7) QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV : _____

Date
Ngày : _____

Fill out this questionnaire in English completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in VN

Xin điền vào sơ câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rằng Anh ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to :

Gửi sơ câu hỏi này tới :

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM
127 Panzabhum Building
SOUTH SATKORN ROAD BANGKOK 12
THAILAND.

A- Basic Identification Data/ Lý lịch căn bản :

1/ Name
Họ tên : NGUYỄN DUY DƯƠNG

2/ Other name
Họ tên khác :

3/ Date/ Place of birth
Ngày/ nơi sinh : 17.7.1949 Phú Thọ

4/ Residence Address
Địa chỉ thường trú : 293/40 Lạc mạng tháng 8, Phường 13 Tân Bình, TP HCM

5/ Mailing Address
Địa chỉ thư từ : nt

6/ Current Occupation
Nghề nghiệp hiện tại : Chạy xe

B- Relatives to Accompany me/ Bà con cùng đi với tôi :

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you, list marital status (MS) as follows : Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).

(Chú ý : Vợ chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau : Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ, góa thê (W) hoặc độc thân (S).

Name Họ tên	Date of birth Ngày tháng năm sinh	Place of birth Nơi sinh	Sex Phái	MS. F Tình trạng gia đình	Relationship Liên hệ gia đình
1) Nguyễn Thị Nhân			Nữ		Vợ
2) Nguyễn duy Kiên	25.12.1971	Saigon	nam		Con
3) Nguyễn duy Hòa			nam		Con
4) Nguyễn duy Linh			nam		Con
5)					
6)					
7)					
8)					
9)					
10)					

(Note : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificated, marriage certificated (if married), divorce decrees (if divorced)

spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos... If any of the above accompanying relatives do not live with you please note their address in section I below.

(Chú ý : cho mỗi người có tên trong danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, giấy thư (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử vợ, chồng (nếu góa phụ, góa thê), thẻ căn cước (nếu có) và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không cư ngụ chung với bạn, xin viết địa chỉ cho họ trong phần I.

C- Relatives outside Vietnam/ Họ hàng ở Ngoại quốc.

Of Myself/ của tôi

Of My Spouse

1) Closest relative in the U.S

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ :

a- Name

Họ tên : Nguyễn duy Lâm

b- Relationship

Liên hệ Ông chú

c- Address

Địa chỉ :

d- Date of relatives arrival in the U.S

Ngày bà con đến Mỹ :

2) Closest relative in the other Foreign Countries

Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác :

a/ Name

Họ tên :

b/ Relationship

Liên hệ :

c/ Address

Địa chỉ :

D- Complete family listing (living/dear) Danh sách toàn thể gia đình (sống/chết)

1/ Father

Cha : Nguyễn duy Mỹ

2/ Mother

Mẹ : Nguyễn thị Thanh

3/ Spouse

Vợ/chồng Nguyễn thị Nhân

4/ Former Spouse (if any)

(nếu có) Vợ/chồng trước :

5/ Children

Con cái :

1/ Nguyễn duy Kiên Hồng

2/ Nguyễn duy Hòa

3/ Nguyễn duy Linh

4/

5/

6/

7/

8/

6/ Siblings

Anh, chị em :

1/ Nguyễn thanh Danh Em

2/ Nguyễn thị Thanh Hà

- 3/ Nguyễn Thị Thanh Ly
- 4/ Nguyễn Thị Thanh Hùng
- 5/ Nguyễn Phúc Thọ
- 6/ Nguyễn Thị Thái Huyền
- 7/ Nguyễn Duy Phương Châu
- 8/

E- Employment by U.S Government Agencies or other U.S Organization of you or your spouse/ Ban hoặc vợ/ chồng đã có làm việc cho Công sở Mỹ Chính phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ.

- 1- Employee name
Tên họ nhân viên :
- 2- Position title
Chức vụ :
- 3- Agency/ Company/ Office
Sở/ hãng/ Văn phòng :
- 4- Length of Employment
Thời gian làm việc : from To
từ : Đến :
- 5- Name of American supervisor
Tên họ Giám thị Mỹ :
- 6- Reason for Separation
Lý do nghỉ việc :

F- Service with GVN or RVNAF by you or your spouse/ Ban hoặc vợ/ chồng đã công vụ với Chính phủ Việt Nam.

- 1- Name of Person Serving
Họ tên người tham gia : Nguyễn Duy Dương
- 2- Dates
Ngày, tháng, năm : From To
từ : Đến :
- 3- Last Rank
Cấp bậc cuối cùng : Thiếu úy Serial number
Số thẻ nhân viên :
- 4- Ministry/ Office/ Military Unit
Bộ/ Sở/ Đơn vị/ Binh chủng : Cảnh Sát
- 5- Name of Supervisor/ C.O
Họ tên người Giám thị/ Sĩ quan Chỉ huy : Trung Tá Nguyễn Văn Trường
- 6- Reason for separation
Lý do nghỉ việc : Tới 30.4.75
- 7- Name of American Advisor (S)
Họ tên Cố vấn Mỹ :
- 8- U.S Training Courses in Vietnam
Chương trình huấn luyện Hoa kỳ tại Việt Nam :
- 9- U.S Awards or certificates
Name of Award
Phân thưởng hoặc giấy khen : Date: Received
Ngày nhận :

(Note : Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available? - Yes: No:

(Chú ý : Xin bạn kèm theo bất cứ văn bản, giấy khen hoặc chứng thư nếu có đương sự? - Có : không :

G- Training outside Vietnam of you or your spouse- Ban hoặc vợ/ chồng đã huấn luyện ở Ngoại quốc :

- 1) Name of student/ Trainee
Họ tên Sinh viên/ người được huấn luyện :

2- School and School address
Trường và địa chỉ nhà trường :

3- Date from
Ngày tháng năm : Từ :

To
Đến :

4- Description of courses
Mô tả ngành học :

5- Who paid for training
Ai đài thọ chương trình huấn luyện ?

(Note : Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available?

Yes: No :

(Chú ý: Xin bạn kèm theo văn bản hoặc chỉ thị nếu có. Bản có hay không ?

Có : không :

K- ~~Red~~education of you or your spouse/ Bạn hoặc vợ/ chồng đã học tập cải tạo

1/ Name of person in reeducation
Họ tên người học tập cải tạo : Nguyễn Duy Dương

2/ Time in Reducation: from
Thời gian đi học tập : Từ : 30.4.75 To : 11.9.1980

3/ Still in Reducation ? Yes
Vẫn còn học tập cải tạo ? Có Không

(If released, we must have a copie of your release certisicate)

(Nếu được thả chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại).

I- ANY ADDITIONAL Remarks ? Cuộc chế phụ thuộc :

Signature :

Ký tên :

Date :

Ngày : 18.5.1990

J- Please list here all documents attached to this questionnaire

Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với sơ câu hỏi này.

OMP. B
6/84

Saigon ngày 18.7.1990
Kính gửi: Bà Khúc Minh Thọ.

Thưa bà,

Thuộc đây tôi đã gửi một hồ sơ
sang văn phòng ODP tại Thái Lan,
nhưng vẫn chưa nhận được giấy hứa
cho nhập cảnh của Tòa Đại sứ Mỹ tại
Thái Lan.

Nay tôi gửi hồ sơ này sang bà và
xin bà giúp tôi được một giấy cho
nhập cảnh nước Mỹ, để tôi tiến
việc làm hồ sơ tại Việt Nam.

Trong khi chờ đợi xin bà nhận nơi
đây sự biết ơn chân thành của tôi.

Gin chào bà



Nguyễn Duy Cường

FROM: Nguyễn duy Hùng
293/40 CNT8, Phường 13
Quận Tân Bình
Tp. Hồ Chí Minh
Viet Nam

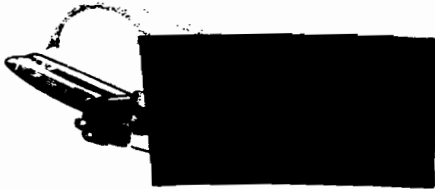
MÁY BAY
PAR AVION



AUG 13 1990



AR BAO
HAI



TO: Bà Khúc Minh Ghó
Box 5435. ARLINGTON
VA 22205 - 0635
USA

PAR AVION VIA AIR MAIL



GIẤY CHỨNG CHỈ

Số 1952

Ngày 29-3-1954 196

Giấy chứng chỉ thay giấy
KHAI SINH
của **NGUYỄN-THI-NHAN**

Đề thay giấy **KHAI SINH** của **NGUYỄN-THI-NHAN**, con gái
của **Nguyễn-Văn-Phúc**, và Bà **Nguyễn-Thi-Canh** (vợ cả)

Người đứng xin **Nguyễn-Văn-Phúc**, sinh năm 1931 quân
nhân q.s ~~xxxxxx~~ 51/300.361 cấp tại **TVB Bắc-Việt**



Năm một nghìn chín trăm năm mươi **TƯ** và ngày **HAI MƯƠI**
CHÍN tháng **BA** hồi **CHÍN** giờ: **sáng**

Trước mặt tôi **PHẠM-NGỌC-SỸ Thám-Phán** **Chánh-án**

Tòa-án **Hòa-Giải Mỹ-Lộc**, có ông **NGUYỄN-CUÔNG-ĐÀM**

Lục-sự phụ-tà:

Có những nhân chứng sau này theo lời yêu cầu của bà
Nguyễn-Văn-Phúc đã đến trình diện:

1o) Ông, Bà **Đinh-Quang-Hệ** quân nhân q.s 50/ **673**
thẻ căn-cước số / cấp tại / ngày
ngụ tại **Trường Võ-Bị Bắc-Việt**

2o) Ông, Bà **Lê-Khắc-Ngo**, quân nhân, sinh năm 1934
quân ~~xxxxxx~~ số 54/300.730 cấp tại / ngày
ngụ tại **Trường Võ-Bị Bắc-Việt**

3o) Ông, Bà **Nguyễn-Thịnh-Dực** buôn bán sinh năm 1916
thẻ căn-cước **03634/BC** cấp tại **Bùi Chử** ngày **1**
ngụ tại **Số 9-A phố Máy Tơ Nam Định**

Các nhân ~~chứng~~ trên này chứng nhận rằng rất quen ông bà

NGUYỄN-VĂN-PHÚC, sinh năm 1931, quân nhân quân
số **51/300.361**

ngụ ở **Trường Võ-Bị BV** hiện có mặt đây:

Và biết rằng ~~xxxx~~ **NGUYỄN-THI-NHAN**, con gái Ông
Nguyễn-Văn-Phúc và Bà **Nguyễn-Thi-Canh**, vợ cả đã sinh
ngày: **(17-8-1950 MƯỜI BẢY** tháng **THÁNG** năm **MỘT NGHÌN**
CHÍN TRAM NAM MƯƠI tại xã **An-Định Tam Đường, Vĩnh-Phúc-**
Yên ;

0. Nguyễn-Văn Phúc đã đến trình diện và đã khai
đúng như trong đơn xin cấp giấy chứng chỉ để thay giấy
KHAI SINH cho NGUYỄN-THI-NHAN, đã để tại Phòng Lục-
Bản Tòa ngày 29-3-1954 rằng :

Hiện nay ông bà NGUYỄN-VĂN-PHÚC không thể
xuất trình được giấy KHAI SINH của NGUYỄN-THI-NHAN

vì chiến-tranh mà không giao-thông được, vì sổ cái đã bị thất-lạc vì lúc
khi chưa lập sổ hộ-tịch.

Các người làm chứng đã nhận thực các điều nói trên thành thực
và đích xác. Tôi phát giấy chứng-chỉ này theo các điều 46 và 47 Dân-
Luật Bắc-Việt để thay giấy.

KHAI SINH
NGUYỄN-THI-NHAN

Sau khi đã nhận người đứng xin, các người làm chứng kê tên ở
trên và ông Lục-Sự Tòa với Tôi ở dưới đây ngày, tháng năm kê trên
Theo những chữ ký.

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH
Sài Gòn, Ngày 23 tháng 02 năm 1954
HÀNH LỤC-SỰ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

QUẬN Tân Bình

XÃ Tân-Sơn-Nhi

Số hiệu 248

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THU

Lập ngày 09 tháng 10 năm 1971 P/10

Tên họ chồng . . .	Nguyễn-Duy-Đông
Ngày và nơi sinh .	Ngày 17-7-1949 Tiên Cảnh, Phú Thọ
Tên họ cha chồng .	Nguyễn-Duy-Hỷ (o)
Tên họ mẹ chồng .	Nguyễn-Thị-Trần (o)
Tên họ vợ	Nguyễn-Thị-Nhân
Ngày và nơi sinh .	Ngày 17-08-1950 Vĩnh Phúc Yên
Tên họ cha vợ . . .	Nguyễn-Văn-Phúc (o)
Tên họ mẹ vợ . . .	Nguyễn-Thị-Cảnh (o)
Ngày lập hôn-thú .	Ngày 09 tháng 10 năm 1971
Có lập hôn khế không .	////////

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

ngày tháng năm 1971
Tân-Sơn-Nhi Ủy-Viên Hộ-Ch



YÊN-VĂN-NHƯ

VIỆT NAM CỘNG-HÒA

THÀNH PHỐ VINH-BÌNH

QUẬN CẦU-NGA

XÃ HIỆP-HÒA

Số hiệu 100

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 19 tháng 8 năm 1974

Tên họ đứa trẻ : NGUYỄN DUY HÒA
Con trai hay con gái : Trai
Ngày sanh : 15 tháng 08 năm 1974
Nơi sanh : Hiệp-Hòa Vinh-Bình
Tên họ người cha : Nguyễn duy Dương
Tên họ người mẹ : Nguyễn thị Nhân
Vợ chánh hay không có hôn thú : vợ ghe
Tên họ người đứng khai : Nguyễn duy Dương

Nhà In M. PHUC - Vinhlong

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Hiệp-Hòa ngày 21 tháng 8 năm 1974

XÃ-TRƯỞNG

NGUYỄN DUY DƯƠNG



15-08-1974

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường... Tân Sơn Hòa
Huyện, Quận... Tân Bình
Tỉnh, Thành phố... Gia Định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số... 2156/1971
Quyền số... 11



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên... NGUYỄN DUY KIÊM LƯƠNG... Nam hay nữ... nam

Ngày, tháng, năm sinh... 25 tháng 12 năm 1971

Nơi sinh... Tân Sơn Hòa

Dân tộc... Quốc tịch...

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	Nguyễn Thị Nhân	Nguyễn Duy Dương
Tuổi	21 tuổi	21 tuổi
Dân tộc	/	/
Quốc tịch		
Nghề nghiệp	Nội trợ	Tư chức
Nơi thường trú	xã Tân Sơn Khì	

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Phạm Thị An- Nữ hộ sinh

Đăng ký ngày 29 tháng 12 năm 1971
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

Họ 1 ai đã ký

Lê Văn Tâm

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 01 tháng 8 năm 1989

T/M UBND

Q. Tân Bình



Trưởng ban

Trưởng ban

Xã

Thị xã, quận

Thành phố, tỉnh

GIẤY KHAI SINH

Số 258/1985

Quyển số 02/P93

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	Nguyễn Duy Linh		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng, năm	Ngày 19 tháng 11 Năm 1985			
Nơi sinh	B/V Thuỷ Vương			
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ		
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Duy Dương 1949	Nguyễn Thu Nhân 1950		
Dân tộc	Kinh			
Quốc tịch	Việt Nam			
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Thợ may nữ 293/10 Phường 13 Tân Bình			
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Duy Dương			

Đăng ký ngày 18 tháng 12 năm 1985

THƯỜNG Đ. B. Ký tên, đóng dấu

(ghi rõ họ, tên, chức vụ)



Nguyễn Thái Phi